

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HS-ST
Ngày 19 tháng 8 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa P3ên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Chự

Ông Nguyễn Ngọc Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Huy – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia P3ên tòa:

Ông Nguyễn Sỹ Kiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 05 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Dương Anh T, sinh năm 1981 tại huyện B, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: L, xã O, huyện P, tỉnh Gia Lai

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Dương Văn L, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962

Có vợ Trần Thị T1, sinh năm 1986 đã ly hôn

Tiền sự: Không;

Tiền án:

Ngày 28/6/2005 bị Tòa án huyện B xử phạt 15 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999. Hiện đã chấp hành xong án phạt tù

Ngày 18/11/2014 bị Tòa án huyện P xử phạt 40 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999. Đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích

Ngày 11/9/2018 bị Tòa án huyện P xử phạt 24 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản”. quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Ngày 14/02/2020 Dương Anh T chấp hành xong án phạt tù

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2020 đến nay. Có mặt tại P3ên tòa.

Người bị hại:

1. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1986

Địa chỉ: Làng G, xã O, huyện P. Vắng mặt

2. Anh Kpă P1, sinh năm 1991

Địa chỉ: Làng B, xã Ia B, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

3. Anh Siu I, sinh năm 1992

Địa chỉ: Làng A, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Chí T3, sinh năm 1999

Địa chỉ: Làng K, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

2. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1949

Địa chỉ: Làng L, xã O, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại P3ên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 21/5/2021, bị cáo Dương Anh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Từ ngày 22/8/2020 đến ngày 22/9/2020, Dương Anh T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Vào chiều ngày 22/8/2020, Dương Anh T rủ đối tượng tên là Lưu Công P3 (Sinh năm: 1990; Trú tại: Thôn H, xã D, huyện P) đi trộm cắp tài sản thì P3 đồng ý, P3 hỏi T trộm ở đâu thì T nói “không biết”, P3 bảo “Em có chỗ này để em dẫn anh đi”, P3 điều khiển xe mô tô của P3 (chưa rõ biển kiểm soát) chở T đi đến khu vực đội 27, Nông trường cao su A thuộc địa phận xã B, huyện P thì thấy tại lán mủ cao su có 03 chiếc xe mô tô không có người trông coi để gần nhau, lúc này T xuống xe, đi lại chỗ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius BKS 81P4 – 4576 của anh Kpă P1 (Sinh năm: 1991; Trú tại làng B, xã B) đang để tại đây, quan sát xung quanh không thấy ai, lúc này T đạp xe để khởi động máy thì xe nổ (Xe không gắn chìa khóa), T điều khiển xe mô tô trộm cắp được còn P3 đi xe của P3 về nhà T tại làng L, xã O, trên đường về T nhờ P3 tháo biển số xe trộm cắp được vớt trên đường đi. Tại nhà T nói với P3 là “Việc của anh đến đây đã xong, còn lại là việc của mày” thì P3 nói “Anh cứ để em”, sau đó P3 điều khiển xe mô tô vừa lấy trộm được còn T điều khiển xe của P3 cả hai cùng đi đến tiệm sửa xe máy Út T3 của Nguyễn Chí T3 ở làng K, xã P để bán cho T3. Tại đây, P3 vào giao dịch mua bán xe với T3 còn T đứng ngoài không vào, một lúc sau P3 đi ra và nói T3 đồng ý mua xe giá một triệu, T đồng ý bán, P3 ra và đưa cho T 500.000đ, còn lại P3 cầm 500.000đ, số tiền này T và P3 tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ chiều ngày 03/9/2020, do không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản, T đi dạo vào khu vực rẫy điều của anh Phạm Văn C (Sinh năm: 1986; Trú tại: Làng K, xã P) thì thấy có 01 máy phay mì để tại rẫy không có ai trông coi, T nảy sinh ý định trộm cắp máy này nên về nhà anh Bùi Văn B (Sinh năm: 1972; trú tại làng K, xã O), T nói “Cho em mượn xe một tí”, anh B nói không cho nhưng T năn nỉ nên anh B đồng ý cho mượn. T mang xe lôi vào rẫy điều của anh C để lại đây. Sáng ngày 04/9/2020 T đến nhà Rơ Mah P (Sinh năm: 2000; Trú tại Làng K, xã O) thì gặp Trần Văn V (Sinh năm: 1962; trú tại Thôn H, xã D) đang uống rượu tại đây, ngồi uống một lúc T rủ V ra ngoài nói với V “Tôi mua máy cắt cỏ cho bò trong P, bác vào chở giúp tôi, tôi trả bác 500.000đ” thì ông V đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô của V chở V đi, đến rẫy điều của anh C thì V thấy 01 máy phay mì và 01 xe lôi đã để sẵn ở đây, V hỏi T “Máy này của ai” T nói “Của người bên B” sau đó T và Vĩnh cùng đưa máy phay mì lên xe lôi và buộc sau xe máy, T điều khiển xe chở ông V ngồi sau kéo xe lôi chở máy phay mì về. Trên đường về tới rừng khoanh, xã P thì xe mô tô bị hư, T đi gọi thợ về sửa xe. Sau khi sửa xe xong ông V không kéo máy phay mì nữa do đau tay và do có công việc khác nên nói T chở V về nhà. T đẩy máy phay mì vào giấu trong rừng khoanh và chở V về. Đến chiều tối cùng ngày T có nói với Dương Văn T2 (Sinh năm: 1984; L, xã O; là em trai của T), “Mày vào rừng kéo giùm tao xe lôi về trả cho anh B” thì T2 đồng ý, Khi vào tới rừng, T2 thấy có máy phay mì buộc trên xe lôi nên hỏi T “Máy mua hay ở đâu mà có”, T nói “Mua hộ cho người ta”, T2 điều khiển xe chở T ngồi sau kéo xe lôi và máy phay mì về, trên đường về T nói T2 chở về nhà bà Ngô Thị N (Sinh năm: 1949; làng L, xã O; là mẹ vợ cũ của T) vì T mua hộ máy phay mì cho bà N. Khi kéo máy về nhà bà N thì T đi trả xe lôi còn T2 ở lại nên Bà N đưa 2 triệu cho T2 nhờ đưa cho T. Số tiền này T đưa cho T2 650.000 đồng để mua đồ ăn, còn lại 1.350.000đ T tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 15 giờ ngày 22/9/2020, T bắt xe buýt từ huyện P đi đến Thành phố P để xin việc làm, do không xin được việc nên T bắt xe buýt về, trên đường về T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đến địa phận làng A, xã G, thành phố P, T xuống xe đi bộ vào làng A, xã G, tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, khi T đi tới nhà anh Siu C2 (Sinh năm: 1987; Trú tại: Làng A, xã G) thấy có một chiếc xe mô tô BKS 81B2 – 77784 của anh Siu I (Sinh năm: 1992; trú tại: Làng A, xã G, Thành phố P) đang dựng ở trong sân nhà, xe có cấm sẵn chìa khoá, lúc này T quan sát thấy không có người trông coi tài sản nên T đi vào sân, dắt xe ra khoảng 100m thì T nổ máy và điều khiển xe chạy về nhà tại Làng L, xã O, huyện P. Sáng ngày 23/9/2020 T đem xe trộm cắp được tháo biển số rồi chạy xe đến bán cho tiệm sửa xe UT ở xã Ia Puch. Tại đây T gặp và hỏi T3 “Anh có xe này bán em mua không”, T3 hỏi “Xe của ai, có giấy tờ không” T nói “Xe của nhà anh, giấy tờ anh để ở nhà” thì T3 đồng ý mua với giá 1.000.000 đồng nhưng đưa trước 500.000 đồng, còn lại 500.000 khi nào mang giấy tờ xe đến sẽ đưa tiếp. Do T3 không đủ tiền nên nói với ông Nguyễn N (Sinh năm: 1968; Trú tại: Làng K, xã P) là bố của T3 đưa cho T 500.000đ, số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng vụ án:

+ 01 máy phay mì không nhãn hiệu, bằng kim loại kích thước 1,2 x 1,2x 0,7m; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, số khung 308Y192387, số máy 5C63192387 không gắn biển số; 01 xe mô tô hiệu Lifan, màu xanh, số khung 310010351911, số máy: FNG 310351965 không có biển số và 01 biển số 81B2-777.84 sau khi thu giữ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Văn C; anh Kpă P1; anh Siu I. (Bút lục: 87-88; 232)

+ 01 BKS 81P4-4576 của xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, số khung 308Y192387, số máy 5C63192387 của anh Kpă P1. Quá trình điều tra xác định sau khi trộm cắp tài sản, T và P3 đã tháo biển số xe và vớt trên đường đi từ xã Ia Bông về xã Ia O, huyện P, bị can không nhớ vớt biển số tại khu vực nào, do đó Cơ quan điều tra không có cơ sở để truy tìm nên không thu giữ được.

Trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Phạm Văn C, Kpă P1 và Siu I đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp nên cũng không yêu cầu gì thêm phần dân sự.

- Nguyễn Chí T3 là người đã mua lại 02 xe mô tô trộm cắp với giá 1.500.000đ, quá trình điều tra T3 không yêu cầu T phải trả lại số tiền T3 bỏ ra mua xe.

- Bà Ngô Thị N là người mua lại máy phay mì của T bán với giá 2 triệu. Bà N cũng không yêu cầu T phải trả lại tiền cho mình.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Anh T thừa nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 21/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự ; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt

Bị cáo Dương Anh T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù

Buộc bị cáo phải nộp 3.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại P3ên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp được thu thập hợp pháp. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Vào chiều ngày 22/8/2020, bị cáo Dương Anh T rủ Lưu Công P3 đi trộm cắp tài sản. P3 điều khiển xe của P3 chở bị cáo đi đến khu vực đội 27 Nông trường cao su An Phú thuộc xã B, huyện P thì phát hiện 03 chiếc xe mô tô không có người trông coi để gần nhau, lúc này bị cáo xuống xe, đi lại chỗ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius BKS 81P4 – 4576 đang để tại đây, quan sát xung quanh không thấy ai, bị cáo đạp xe để khởi động máy thì xe nổ, bị cáo điều khiển xe về nhà ở làng L, xã O huyện P, sau đó P3 điều khiển xe trộm cắp được đến bán cho anh Nguyễn Chí T3 tại làng K, xã P được 1.000.000 đồng. P3 chia cho T 500.000 đồng.

Vào khoảng 15 giờ chiều ngày 03/9/2020, bị cáo Dương Anh T đi vào khu vực rẫy Điều của anh Phạm Văn C tại Làng K, xã P thì thấy có 01 máy phay mì để tại rẫy không có ai trông coi, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp máy này nên về nhà anh Bùi Văn B tại làng K, xã O mượn và mang xe lôi của anh B vào rẫy điều của anh C để lại đây. Sáng ngày 04/9/2020 bị cáo đến nhà Rơ Mah P tại Làng K, xã O thì gặp Trần Văn V, T rủ V ra ngoài nói với V “Tôi mua máy cắt cỏ cho bò trong Ia Puch, bác vào chở giúp tôi, tôi trả bác 500.000đ” thì V đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô của V chở V đi, đến rẫy Điều của anh C thì V thấy 01 máy phay mì và 01 xe lôi đã để sẵn ở đây, V hỏi T “Máy này của ai” T nói “Của người bên B” sau đó T và V cùng đưa máy phay mì lên xe lôi và buộc sau xe máy, T điều khiển xe chở ông V ngồi sau kéo xe lôi chở máy phay mì về. Trên đường về tới rừng, xã P thì xe mô tô bị hư, T đi gọi thợ về sửa xe. Sau khi sửa xe xong ông V không kéo máy phay mì nữa do đau tay và do có công việc khác nên nói T chở V về nhà. T đẩy máy phay mì vào giấu trong rừng và chở V về. Đến chiều tối cùng ngày T có nói với Dương Văn T2 là em trai của T vào rừng kéo giùm tao xe lôi về thì T2 đồng ý, Khi vào tới rừng, T2 thấy có máy phay mì buộc trên xe lôi nên hỏi T “Máy mua hay ở đâu mà có”, T nói “Mua hộ cho người ta”, T2 điều khiển xe chở T ngồi sau kéo xe lôi và máy phay mì về nhà bà Ngô Thị N tại làng L, xã O. Khi kéo máy về nhà bà N thì T đi trả xe lôi còn T2 ở lại nên Bà N đưa 2 triệu cho T2 nhờ đưa cho T. Số tiền này T đưa cho T2 650.000 đồng để mua đồ ăn, còn lại 1.350.000đ T tiêu xài cá nhân hết.

Vào khoảng 15 giờ ngày 22/9/2020, bị cáo bắt xe buýt từ PleiU về P, đến địa phận làng A, xã G, thành phố P, T xuống xe đi bộ vào làng A, xã G đi tới nhà anh Siu C thấy có một chiếc xe mô tô BKS 81B2 – 77784 đang dựng ở trong sân nhà, xe có cấm sẵn chìa khoá, lúc này bị cáo quan sát thấy không có người trông coi tài sản nên đi vào sân, dắt xe ra khoảng 100m nổ máy và điều khiển xe chạy về nhà tại Làng L, xã O, huyện P. Sáng ngày 23/9/2020 T đem xe trộm cắp được tháo biển số rồi chạy xe đến bán cho tiệm sửa xe UT ở xã P với giá 1.000.000 đồng, nhận trước 500.000 đồng, số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 45/KLĐG ngày 30/9/2020 và số 25 ngày 29/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: 01 xe mô tô BKS: 81P4-4576 hiệu Yamaha, loại Sirius có giá trị thành tiền là 9.800.000 đồng và 01

máy phay mì có giá 1.100.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Lifan BKS: 81B2-777.84 có giá: 2.800.000đ.

Tổng tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trong 3 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt là 13.700.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá 13.700.000 đồng đồng của bị cáo Dương Anh T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ, đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do vậy tội phạm mà bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

[3] Về tính chất của tội phạm

Bị cáo Dương Anh T nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius BKS 81P4 – 4576 của anh Kpă P1; 01 máy phay mì của anh Phạm Văn C và một chiếc xe mô tô BKS 81B2 – 77784 của anh Siu I . Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an, gây hoang mang trong dư luận quần chúng, ảnh hưởng đến công cuộc phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, thuộc trường hợp nghiêm trọng nên cần phải xử lý nghiêm khắc.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, từ năm 2005 cho đến lần bị xét xử ngày hôm nay, bị cáo đã 3 lần bị toà án có thẩm quyền xét xử và kết án về tội phạm chiếm đoạt tài sản. Tại lần phạm tội này, bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp với tài sản trộm cắp trên 2.000.000 đồng, do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt

Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền bị cáo có được do tiêu thụ các tài sản trộm cắp mà có tổng cộng là 3.000.000 đồng, những người mua tài sản của bị cáo không biết được tài sản bị cáo đã bán là tài sản do phạm tội mà có và không yêu cầu bồi thường, do vậy cần buộc bị cáo phải nộp số tiền 3.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về dân sự:

Những người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Những người đã trả tiền cho bị cáo để mua các tài sản do bị cáo trộm cắp không yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền, do vậy không xem xét về dân sự.

[8] Về vật chứng:

+ Đối với 01 máy phay mì không nhãn hiệu, bằng kim loại kích thước 1,2 x 1,2x 0,7m; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, số khung 308Y192387, số máy 5C63192387 không gắn biển số; 01 xe mô tô hiệu Lifan, màu xanh, số khung 310010351911, số máy: FNG 310351965 không có biển số và 01 biển số 81B2-777.84 sau khi thu giữ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Văn C; anh Kpã P1; anh Siu I. Xét việc xử lý vật chứng trong quá trình điều tra là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

+ 01 BKS 81P4-4576 của xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, số khung 308Y192387, số máy 5C63192387 của anh Kpã P1. Quá trình điều tra xác định sau khi trộm cắp tài sản, T và P3 đã tháo biển số xe và vứt trên đường đi từ xã B về xã O, huyện P, bị can không nhớ vứt biển số tại khu vực nào, do đó Cơ quan điều tra không có cơ sở để truy tìm nên không thu giữ được. Do vậy không có cơ sở để xử lý.

[9] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[10] Đối với Bùi Văn B, Trần Văn V và Dương Văn T2 là những người mà bị cáo đã mượn xe lô, thuê và nhờ điều khiển xe mô tô để vào kéo máy phay mì tại làng Chư Kó, xã Ia Puch ngày 04/9/2020. Quá trình phạm tội bị cáo không nói và những người này cũng không biết máy phay mì là tài sản do T trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ để xử lý đối với Bùi Văn B, Trần Văn V và Dương Văn T2.

Đối với Nguyễn Chí T3 và bà Ngô Thị N người mua xe mô tô và máy phay mì do bị cáo trộm cắp mà có nhưng anh T3 và bà N không biết những tài sản trên do bị cáo trộm cắp mà có nên không đủ cơ sở để xử lý hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” đối với Nguyễn Chí T3 và bà Ngô Thị N.

Đối với Lưu Công P3 là người bị cáo khai cùng thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô với T ngày 22/8/2020 tại nông trường cao su A, xã B. Quá trình điều tra xác minh nhiều lần đối tượng P3 không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ được việc P3 có tham gia trộm cắp tài sản cùng với T hay không. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm số 186/TB-CSHS ngày 13/4/2021 đối với Lưu Công P3, khi đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Dương Anh T phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Dương Anh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2020.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015;

Buộc bị cáo Dương Anh T phải nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

Buộc bị cáo Dương Anh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại P3ên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa P3ên tòa

Võ Văn Quảng